

Bản án số: 241/2019/DS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2019

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Trần Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Thanh Hương;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 242/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Ngọc C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số B Đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số N, Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 25/6/2019) - có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A Đường Lâm Văn Bền, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Kim H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số B đường Dương Bá Trạc, Phường 01, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của bà Lê Kim H: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số N, Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 25/6/2019) - có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 nguyên đơn là ông Đinh Ngọc C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Ông Đinh Ngọc C và Ông Nguyễn Chí T là chỗ quen biết nhau.

Do cần tiền làm ăn nên ngày 25/10/2017 ông Đinh Ngọc C có cho ông Nguyễn Chí T vay tiền theo giấy vay tiền nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 1.500.000.000 đồng;
- Thời hạn vay là 12 tháng;
- Việc vay không có lãi suất và không có tài sản thế chấp.

Sau khi ký hợp đồng vay, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay.

Đến hạn trả nợ (ngày 26/10/2018) ông T không trả mặc dù ông C đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T chỉ hứa hẹn, không thực hiện trách nhiệm trả nợ cho ông C.

Nay nguyên đơn ông yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến nay theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm ( $1.500.000.000 \text{ đồng} \times \{10\%/12 \text{ tháng}\} \times 10 \text{ tháng} = 125.000.000 \text{ đồng}$ ).

Ông C xác định số tiền ông C cho ông T vay là tiền riêng của ông và ông chỉ yêu cầu cá nhân ông T trả nợ và không còn yêu cầu nào khác.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2019 bà Nguyễn Thị Th đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Kim H trình bày: Bà H là vợ ông Đinh Ngọc C, bà H xác nhận số tiền 1.500.000.000 đồng mà ông C cho ông T vay là tiền riêng của ông C, không liên quan đến bà H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy vay tiền đã ký giữa 02 bên cho thấy việc ký kết giao dịch là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nguyên đơn yêu cầu trả gốc, yêu cầu trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ kết quả trả lời của Công an phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 246/2019/QĐ-CCTLCC ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng từ tháng 4/2019 đã bán nhà bỏ đi đâu không rõ.

Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng về nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú mới, căn cứ vào Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ và bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc

trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Khoản 4 Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự ý tước bỏ các quyền tự chứng minh, trình bày ý kiến của mình và chịu hậu quả của việc không chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tính từ khi ông T vi phạm nghĩa vụ là ngày 26/10/2018 đến ngày 10/9/2019 làm tròn 10 tháng là 125.000.000 đồng; yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 25/10/2017 ký giữa ông Đinh Ngọc C và ông Nguyễn Chí T có chữ ký của bị đơn ông T. Bị đơn là người trưởng thành, đã đọc và hiểu rõ nội dung vay tiền nhưng vẫn đồng ý ký tên xác nhận; đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với những tài liệu này; nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong văn bản này. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong Giấy vay tiền 25/10/2017 là có thật và được cả hai bên thừa nhận. Do vậy, ông C khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.500.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 26/10/2018 đến ngày 10/9/2019, làm tròn 10 tháng theo mức lãi suất là 10%/năm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định vay không có lãi mà khi đến hạn mà bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ và nguyên đơn có yêu cầu trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm nên có cơ sở chấp nhận. Do nguyên đơn giảm số ngày vi phạm nghĩa vụ và làm tròn số tháng cho bị đơn, yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về thời hạn trả tiền: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay đã nhận là 1.500.000.000 đồng, trả tiền lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 26/10/2018 đến ngày 10/9/2019, làm tròn 10 tháng theo mức lãi suất là 10%/năm của số tiền gốc 1.500.000.000 đồng là 125.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét thấy thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu và yêu cầu này là phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 125.000.000 đồng được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 60.750.000 (sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Khoản 1, Khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Chí T.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc C.

2.1. Buộc ông Nguyễn Chí T phải thanh toán cho ông Đinh Ngọc C số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng và số tiền lãi tính từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử là 125.0000.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu) đồng; Tổng cộng là 1.625.000.000 (Một tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.750.000 (sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đinh Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đinh Ngọc C số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 29.812.150 (hai mươi chín triệu tám trăm mười hai ngàn một trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0031281 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2.3. Quyền kháng cáo:

Ông Đinh Ngọc C, bà Lê Kim H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

### 2.4. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Trần Cảnh**